Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

Số: 49

Ngày 18/12/2017

Bản tin hàng tuần
Ra ngày thứ hai

TÓM TẮT

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

VĂN BẢN MỚI

1. Từ ngày 01/01/2018, tăng mức lương tối thiểu vùng đến gần 04 triệu đồng/tháng đối với lao động hợp đồng.

2. Ưu tiên tuyển dụng đối với sinh viên tốt nghiệp xuất sắc.

3. Cổ phần hóa Tổng công ty điện lực Dầu khí Việt Nam.

4. Đảm bảo an toàn giao thông trong dịp Tết và Lễ hội xuân 2018.

5. Các công trình xây dựng từ 09 tầng trở lên phải sử dụng tối thiểu 80% vật liệu xây không nung.

6. Đài phát thanh Hà Nội và Tp.Hồ Chí Minh được phủ sóng FM sang các địa bàn khác.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động vàng.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Nguyên tắc quản lý, sử dụng tài sản công?
2. Những hành vi nào bị nghiêm cấm trong quản lý, sử dụng tài sản công?

3. Quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công?

4. Quyền và nghĩa vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công?

VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. TỪ NGÀY 01/01/2018, TĂNG MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU VÙNG ĐẾN GẦN 04 TRIỆU ĐỒNG/THÁNG

Ngày 07/12/2017 Chính phủ quy định tại Nghị định số 141/2017/NĐ-CP về mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

Theo đó, từ ngày 01/01/2018, sẽ áp dụng mức lương tối thiểu vùng từ 2.760.000 đến 3.980.000 đồng/tháng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, trong đó vùng I: 3.980.000 đồng/tháng; vùng II: 3.530.000 đồng/tháng; vùng III: 3.090.000 đồng/tháng; vùng IV: 2.760.000 đồng/tháng.

Mức lương tối thiểu vùng này là mức thấp nhất làm cơ sở để doanh nghiệp và người lao động thỏa thuận và trả lương, trong đó mức lương trả cho người lao động làm việc trong điều kiện lao động bình thường, bảo đảm đủ thời giờ làm việc bình thường trong tháng và hoàn thành định mức lao động hoặc công việc đã thỏa thuận phải bảo đảm không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm công việc giản đơn nhất; cao hơn ít nhất 7% so với mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm công việc đòi hỏi người lao động đã qua học nghề, đào tạo nghề theo quy định.

Đối tượng được áp dụng bao gồm: người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật lao động; doanh nghiệp thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các tổ chức khác của Việt Nam có thuê mướn lao động theo hợp đồng lao động; cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế và cá nhân người nước ngoài tại Việt Nam có thuê mướn lao động theo hợp đồng lao động (trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác). (dưới đây gọi chung là doanh nghiệp).

Địa bàn áp dụng mức lương tối thiểu vùng được quy định theo đơn vị hành chính cấp quận, huyện, thị xã và thành phố trực thuộc tỉnh. Doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn nào thì áp dụng mức lương tối thiểu vùng quy định đối với địa bàn đó. Trường hợp doanh nghiệp có đơn vị, chi nhánh hoạt động trên các địa bàn có mức lương tối thiểu vùng khác nhau thì đơn vị, chi nhánh hoạt động ở địa bàn nào, áp dụng mức lương tối thiểu vùng quy định đối với địa bàn đó.

Khi thực hiện mức lương tối thiểu vùng, doanh nghiệp không được xoá bỏ hoặc cắt giảm các chế độ tiền lương khi người lao động làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm, làm việc trong điều kiện lao động nặng nhọc, độc hại, chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với các chức danh nghề nặng nhọc, độc hại và các chế độ khác theo quy định của pháp luật lao động. Các khoản phụ cấp, bổ sung khác, trợ cấp, tiền thưởng do doanh nghiệp quy định thì thực hiện theo thoả thuận trong

hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể hoặc trong quy chế của doanh nghiệp.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 25/01/2018 và thay thế Nghị định số 153/2016/NĐ-CP ngày 14/11/2016 của Chính phủ. Các quy định tại Nghị định này được thực hiện từ ngày 01/01/2018.

2. ƯU TIÊN TUYỂN DỤNG ĐỐI VỚI SINH VIÊN TỐT NGHIỆP XUẤT SẮC

Ngày 05/12/2017, Chính phủ ban hành Nghị định số 140/2017/NĐ-CP về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ.

Theo đó, sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ được tuyển dụng thông qua hình thức xét tuyển khi đáp ứng các tiêu chuẩn như: đạt giải ba cá nhân trở lên tại một trong các kỳ thi lựa chọn học sinh giỏi cấp tỉnh; giải khuyến khích trở lên trong các kỳ thi lựa chọn học sinh giỏi cấp quốc gia hoặc Bằng khen trở lên trong các kỳ thi lựa chọn học sinh giỏi quốc tế thuộc một trong các môn khoa học tự nhiên và khoa học xã hội trong thời gian học ở cấp trung học phổ thông; đạt giải ba cá nhân trở lên tại cuộc thi khoa học - kỹ thuật cấp quốc gia hoặc quốc tế trong thời gian học ở cấp trung học phổ thông hoặc bậc đại học; đạt giải ba cá nhân trở lên tại cuộc thi Ô-lim-pích thuộc một trong các môn toán, vật lý, hóa học, cơ học, tin học hoặc các chuyên ngành khác trong thời gian học ở bậc đại học được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận…

Nội dung xét tuyển bao gồm: xét kết quả học tập và nghiên cứu (nếu có) theo tiêu chuẩn đã được quy định và phỏng vấn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển.

Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ sau khi được tuyển dụng phải thực hiện chế độ tập sự trong thời gian ít nhất là 03 tháng và không quá 12 tháng, trừ trường hợp đã có thời gian từ đủ 12 tháng trở lên thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu của vị trí được tuyển dụng. Trong thời gian tập sự sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ được hưởng 100% mức lương và phụ cấp tăng thêm. Ngoài ra còn được hưởng các khoản phụ cấp lương theo quy định của pháp luật hiện hành đối với khu vực, ngành, lĩnh vực đặc thù (nếu có).

Trong thời gian 03 năm kể từ ngày được tuyển dụng nếu sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ có 02 năm liên tiếp hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực hoặc có 02 năm liên tiếp, trong đó 01 năm hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ thì cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền bố trí công tác khác và thôi hưởng phụ cấp tăng thêm quy định. Trường hợp có 02 năm liên tiếp không hoàn thành nhiệm vụ thì cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền giải quyết thôi việc hoặc chấm dứt hợp đồng làm việc.

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/01/2018.

3. CỔ PHẦN HÓA TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Ngày 08/12/2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1977/QĐ-TTg về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (trực thuộc Tập đoàn dầu khí Việt Nam).

Theo đó, Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam có vốn điều lệ là 23.418.716.000.000 đồng, sẽ cổ phần hóa theo hình thức bán bớt một phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp với mệnh giá bán là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ là 1.194.354.516 cổ phần, chiếm 51% vốn điều lệ đến hết năm 2025. Từ năm 2019, trong trường hợp Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần tái cấu trúc được các khoản nợ và đảm phán được với các tổ chức tín dụng cho vay, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam có trách nhiệm thoái vốn góp tại Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần xuống mức dưới 50% vốn điều lệ.

Số cổ phần bán cho người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa là 1.005.100 cổ phần, chiếm 0,043% vốn điều lệ; số cổ phần bán cho người lao động thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm là 1.752.300 cổ phần, chiếm 0,075% vốn điều lệ; số cổ phần bán đấu giá công khai là 468.374.320 cổ phần, chiếm 20% vốn điều lệ; số cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược là 676.385.364 cổ phần, chiếm 28,882% vốn điều lệ.

Sau khi cổ phần hóa, số lao động chuyển sang công ty cổ phần là 1.181 người với tên gọi đầy đủ là: Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần (PV POWER). PV POWER có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; có con dấu riêng; được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật; tổ chức và hoạt động theo Điều lệ phù hợp với các quy định của pháp luật. PV POWER được kế thừa các quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam trước khi chuyển đổi; được tiếp tục kinh doanh các ngành, nghề hiện Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam đang thực hiện và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08/12/2017

4. ĐẢM BẢO AN TOÀN GIAO THÔNG TRONG DỊP TẾT VÀ LỄ HỘI XUÂN 2018

Ngày 08/12/2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Công điện số 1882/CĐ-TTg về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong dịp Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán Mậu Tuất và Lễ hội xuân năm 2018.

Theo đó, Thủ tướng yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan có Kế hoạch cụ thể, tổ chức thực hiện đồng bộ và hiệu quả các biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông phục vụ nhân dân dịp lễ, Tết 2018.

Trong đó, Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo các đơn vị trực thuộc Bộ, các Sở Giao thông vận tải phải lập kế hoạch cụ thể và có biện pháp tổ chức vận tải bảo đảm phục vụ tốt nhu cầu đi lại của nhân dân; nâng cao chất lượng dịch vụ, niêm yết công khai giá vé theo tuyến, thời gian và loại hình dịch vụ, đẩy mạnh ứng dụng bán vé điện tử; kiểm tra, phát hiện xử lý nghiêm các đơn vị kinh doanh vận tải có hành vi chở quá số lượng hành khách, tăng giá vé trái quy định, ép buộc hành khách sử dụng dịch vụ, sang nhượng hành khách trái phép; rà soát, khắc phục các điểm đen về tai nạn giao thông; hoàn thành công tác nâng cấp, sửa chữa, bảo trì các tuyến giao thông trọng điểm trước ngày 31/01/ 2018.

UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có kế hoạch cụ thể, chỉ đạo tổ chức thực hiện đồng bộ và hiệu quả các biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông phục vụ nhân dân dịp Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán Mậu Tuất và Lễ hội xuân 2018 phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, chú trọng các trục đường quốc lộ, khu vực nông thôn, miền núi và các địa điểm diễn ra lễ hội trên địa bàn; UBND thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh có phương án tổ chức, điều tiết giao thông, bố trí đủ lực lượng và phương tiện, ứng trực trên các tuyến giao thông trọng điểm, các trục chính ra vào thành phố; thực hiện phân luồng tại các khu vực giao thông phức tạp, giải tỏa kịp thời khi xảy ra ùn tắc, không để ùn tắc kéo dài, nhất là trong ngày đầu, ngày cuối đợt nghỉ Tết; công bố số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận phản ánh về vận tải hành khách và trật tự, an toàn giao thông tại địa phương; đôn đốc, kiểm tra và báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo tăng cường thông tin tuyên truyền về công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong dịp Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán Mậu Tuất và Lễ hội xuân 2018; tập trung tuyên truyền các nguyên nhân gây tai nạn giao thông trong dịp Tết để phòng tránh; các biện pháp hạn chế tai nạn xe mô tô, xe gắn máy ở khu vực nông thôn, biện pháp ngăn chặn tai nạn xe khách, tai nạn đường đèo dốc, tai nạn đắm đò, tai nạn đường ngang đường sắt. Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam có kế hoạch tuyên truyền an toàn giao thông dịp Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán Mậu Tuất và Lễ hội xuân 2018 với nội dung phong phú, hấp dẫn, cập nhật kịp thời tình hình tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông các ngày tết trong các bản tin thời sự; tuyên truyền, phát các thông điệp an toàn giao thông Tết.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

5. CÁC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG TỪ 09 TẦNG TRỞ LÊN PHẢI SỬ DỤNG TỐI THIỂU 80% VẬT LIỆU XÂY KHÔNG NUNG

Ngày 08/12/2017, Bộ Xây dựng ban hành Thông tư số 13/2017/TT-BXD quy định sửa dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp để làm tường, vách ngăn và khối xây.

Theo đó, các công trình xây dựng được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách, vốn vay của doanh nghiệp có vốn nhà nước lớn hơn 30% phải sử dụng vật liệu xây không nung trong tổng số vật liệu xây với tỷ lệ cụ thể như sau: Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh phải sử dụng 100%; các tỉnh đồng bằng Trung du Bắc bộ, các tỉnh vùng Đông Nam bộ tại các khu đô thị từ loại III trở lên sử dụng tối thiểu 90%, tại các khu vực còn lại sử dụng tối thiểu 70%; các tỉnh còn lại tại các khi đô thị từ loại III trở lên phải sử dụng tối thiểu 70%, tại cá khu vực còn lại phải sử dụng tối thiểu 50%.

Các công trình xây dựng từ 09 tầng trở lên phải sử dụng tối thiểu 80% vật liệu xây không nung trong tổng số vật liệu xây. Các công trình có yêu cầu đặc thù không sử dụng vật liệu xây không nung thì phải được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét, chấp thuận. Nhà nước khuyến khích sử dụng vật liệu xây không nung vào các công trình xây dựng không phân biệt nguồn vốn, số tầng.

Các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu và kinh doanh vật liệu xây không nung khi cung cấp sản phẩm vật liệu xây không nung vào công trình xây dựng phải đảm bảo tiêu chuẩn Việt Nam và phải có chứng nhận hợp quy theo quy định.

Trường hợp các công trình đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án hoặc được cấp giấp phép xây dựng nhưng chưa khởi công xây dựng mà phải phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án hoặc điều chỉnh, bổ sung giấy phép xây dựng sau ngày 01/02/2018 thì được thực hiện như thiết kế xây dựng công trình đã được phê duyệt trong trường hợp không thay đổi thiết kế; trường hợp thay đổi thiết kế xây dựng công trình thì phải thực hiện theo các quy định tại Thông tư này đối với phần công trình có thay đổi thiết kế xây dựng. Nhà nước khuyến khích việc chủ đầu tư thay đổi thiết kế để sử dụng vật liệu xây không nung.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/02/2018 và thay thế Thông tư số 09/2012/TT-BXD ngày 28/11/2012 của Bộ Xây dựng.

6. ĐÀI PHÁT THANH HÀ NỘI VÀ TP.HỒ CHÍ MINH ĐƯỢC PHỦ SÓNG FM SANG CÁC ĐỊA BÀN KHÁC

Đây là nội dung được quy định tại Thông tư số 37/2017/TT-BTTTT ngày 07/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quy hoạch sử dụng kênh tần số phát thanh FM.

Theo đó, Đài Phát thanh, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được phủ sóng phát thanh FM và bảo vệ khỏi nhiễu có hại trong phạm vi địa giới hành chính của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó. Riêng Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh được phủ sóng sang địa bàn thuộc các tỉnh, thành phố khác nhưng không được gây nhiễu có hại cho các hệ thống phát thanh FM khác đã được phân bổ kênh tần số theo quy định.

Đài phát sóng phát thanh FM phải sử dụng anten có hướng tính phù hợp để phủ sóng hiệu quả và không gây nhiễu có hại tới các đài phát sóng phát thanh FM và các hệ thống thông tin vô tuyến điện khác. Đài phát sóng phát thanh FM ở khu vực biên giới phải sử dụng anten có hướng tính phù hợp để bảo đảm vùng phủ sóng tuân theo thỏa thuận về phối hợp tần số biên giới giữa Việt Nam với nước láng giềng.

Đài phát sóng thử nghiệm, đài phát sóng phát thanh FM kênh chương trình đặc thù, đài phát lại phát thanh FM phủ sóng vùng lõm, vùng sâu, vùng xa sẽ được ấn định kênh tần số theo từng trường hợp trên cơ sở không gây nhiễu có hại cho đài phát sóng phát thanh FM khác đã được phân bổ kênh tần số theo quy định. Riêng đối với đài truyền thanh không dây, sẽ chỉ cấp mới giấy phép hoạt động trong băng tần 54-68 MHz và không đầu tư mới, không cấp mới giấy phép cho đài truyền thanh không dây trong băng tần 87-108 MHz.

Căn cứ vào Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia, Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước và khả năng đáp ứng về tần số tại từng địa bàn, Cục Tần số vô tuyến điện xem xét ấn định bổ sung kênh tần số trong từng trường hợp cụ thể để đáp ứng nhu cầu phát triển thêm kênh chương trình phát thanh, mở rộng vùng phủ sóng phát thanh FM cho Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Phát thanh, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23/01/2018.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2012/NĐ-CP NGÀY 03/4/2012 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG VÀNG

Để kiểm soát chặt chẽ các hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng và các hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ giúp tạo điều kiện thuận lợi trong việc điều hành chính sách tỷ giá, chính sách tiền tệ, ổn định kinh tế vĩ mô và kinh tế xã hội, Chính phủ đã giao cho Ngân hàng Nhà nước soạn thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động vàng. Hiện dự thảo đang được tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức cá nhân trong và ngoài nước trước khi trình Chính phủ.

Theo đó, Nhà nước độc quyền sản xuất vàng miếng, xuất khẩu vàng nguyên liệu, nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng miếng, huy động vàng từ tổ chức, cá nhân, kinh doanh vàng trên tài khoản.

Hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng phải được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng. Để được cấp Giấy phép kinh doanh thì doanh nghiệp, tổ chức tín dụng phải nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước, bao gồm: Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng theo mẫu; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ, tài liệu thể hiện doanh nghiệp, tổ chức tín dụng đáp ứng điều kiện về mạng lưới theo quy định; Xác nhận của cơ quan thuế về số thuế đã nộp của hoạt động kinh doanh vàng trong 02 năm liền kề trước đó (đối với doanh nghiệp). Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng.

Việc xuất khẩu, nhập khẩu vàng nguyên liệu dưới dạng bột, dung dịch, vẩy hàn, muối vàng, dây, tạp chất, phế phẩm tái chế và các loại vàng trang sức dưới dạng bán thành phẩm được thực hiện trong nội dung đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh các nội dung trên, dự thảo còn quy định hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ và hoạt động kinh doanh mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ là hoạt động kinh doanh có điều kiện nên không cần phải cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh. Doanh nghiệp sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ phải đáp ứng điều kiện là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, có đăng ký sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.

Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có trách nhiệm xây dựng quy định, quản lý, kiểm tra, thanh tra quy định về đo lường trong kinh doanh vàng, chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ trong sản xuất, nhập khẩu và lưu thông trên thị trường.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: *Nguyên tắc quản lý, sử dụng tài sản công?*

*** Trả lời:** Theo quy định tại Điều 6 Luật quản lý, sử dụng tài sản công ban hành ngày 21/6/2017 thì nguyên tắc quản lý, sử dụng tài sản công được quy định như sau:

a) Mọi tài sản công đều phải được Nhà nước giao quyền quản lý, quyền sử dụng và các hình thức trao quyền khác cho cơ quan, tổ chức, đơn vị và đối tượng khác theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

b) Tài sản công do Nhà nước đầu tư phải được quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, được thống kê, kế toán đầy đủ về hiện vật và giá trị, những tài sản có nguy cơ chịu rủi ro cao do thiên tai, hoả hoạn và nguyên nhân bất khả kháng khác được quản lý rủi ro về tài chính thông qua bảo hiểm hoặc công cụ khác theo quy định của pháp luật.

c) Tài sản công là tài nguyên phải được kiểm kê, thống kê về hiện vật, ghi nhận thông tin phù hợp với tính chất, đặc điểm của tài sản; được quản lý, bảo vệ, khai thác theo quy hoạch, kế hoạch, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng pháp luật.

d) Tài sản công phục vụ công tác quản lý, cung cấp dịch vụ công, bảo đảm quốc phòng, an ninh của cơ quan, tổ chức, đơn vị phải được sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích, công năng, đối tượng, tiêu chuẩn, định mức, chế độ theo quy định của pháp luật.

đ) Việc khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công phải tuân theo cơ chế thị trường, có hiệu quả, công khai, minh bạch, đúng pháp luật.

e) Việc quản lý, sử dụng tài sản công phải được thực hiện công khai, minh bạch, bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng.

g) Việc quản lý, sử dụng tài sản công được giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; mọi hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

2. Hỏi: *Những hành vi nào bị nghiêm cấm trong quản lý, sử dụng tài sản công?*

*** Trả lời:** Theo quy định tại điều 10 Luật quản lý, sử dụng tài sản công ban hành ngày 21/6/2017 thì các hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý, sử dụng tài sản công như sau:

a) Lợi dụng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt, chiếm giữ và sử dụng trái phép tài sản công.

b) Đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê, sử dụng tài sản công không đúng mục đích, chế độ, vượt tiêu chuẩn, định mức.

c) Giao tài sản công cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân vượt tiêu chuẩn, định mức hoặc giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân không có nhu cầu sử dụng.

d) Sử dụng xe ô tô và tài sản công khác do tổ chức, cá nhân tặng cho không đúng mục đích, chế độ, vượt tiêu chuẩn, định mức.

đ) Sử dụng hoặc không sử dụng tài sản công được giao gây lãng phí; sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết không phù hợp với mục đích sử dụng của tài sản, làm ảnh hưởng đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ do Nhà nước giao; sử dụng tài sản công để kinh doanh trái pháp luật.

e) Xử lý tài sản công trái quy định của pháp luật.

g) Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản công.

h) Chiếm đoạt, chiếm giữ, sử dụng trái phép tài sản công.

i) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ trong quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật.

j) Hành vi bị nghiêm cấm khác trong quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Hỏi: *Quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công?*

*** Trả lời:** Theo quy định tại điều 22 Luật quản lý, sử dụng tài sản công ban hành ngày 21/6/2017 thì quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công được quy định như sau:

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công có các quyền sau đây:

a) Sử dụng tài sản công phục vụ hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các biện pháp bảo vệ, khai thác và sử dụng hiệu quả tài sản công được giao theo chế độ quy định;

c) Được Nhà nước bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp;

d) Khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật;

đ) Quyền khác theo quy định của pháp luật.

2.Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công có các nghĩa vụ sau đây:

a) Bảo vệ, sử dụng tài sản công đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ; bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm;

b) Lập, quản lý hồ sơ tài sản công, kế toán, kiểm kê, đánh giá lại tài sản công theo quy định của Luật này và pháp luật về kế toán;

c) Báo cáo và công khai tài sản công theo quy định của Luật này;

d) Thực hiện nghĩa vụ tài chính trong sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật;

đ) Giao lại tài sản công cho Nhà nước khi có quyết định thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền;

e) Chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; giám sát của cộng đồng, cán bộ, công chức, viên chức và Ban Thanh tra nhân dân trong quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;

g) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

4. Hỏi: *Quyền và nghĩa vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công?*

*** Trả lời:** Theo quy định tại điều 23 Luật quản lý, sử dụng tài sản công ban hành ngày 21/6/2017 thì quyền và nghĩa vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công được quy định như sau:

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công có các quyền sau đây:

a) Tổ chức thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được Nhà nước giao;

b) Giám sát, kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản công được giao quản lý, sử dụng;

c) Xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan, người có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

d) Quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công có các nghĩa vụ sau đây:

a) Ban hành và tổ chức thực hiện quy chế quản lý, sử dụng tài sản công được Nhà nước giao;

b) Chấp hành quy định của Luật này và pháp luật có liên quan, bảo đảm sử dụng tài sản công đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ, tiết kiệm, hiệu quả;

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc quản lý, sử dụng tài sản công được Nhà nước giao;

d) Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm giải trình theo quy định của pháp luật;

đ) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật./.